

NGHỊ QUYẾT

Về việc thống nhất kế hoạch đầu tư công năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện về việc xin ý kiến thống nhất nhu cầu kế hoạch đầu tư năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 102/BC-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội; Báo cáo thẩm tra số 103/BC-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất danh mục kế hoạch đầu tư năm 2020 trên địa bàn huyện Giang Thành, như sau:

1. Tổng vốn đầu tư được Hội đồng nhân dân huyện thông qua kế hoạch đầu năm 2020 với tổng vốn đầu tư 99.512 triệu đồng, bố trí 57 công trình, cụ thể sau:

+ Cân đối ngân sách địa phương: 34.214 triệu đồng, bố trí 19 công trình.

+ Xổ số kiến thiết: 6.900 triệu đồng, bố trí 10 công trình.

+ Nghị định 35/2015/NĐ-CP: 18.500 triệu đồng, bố trí 02 công trình.

+ Thủy lợi phí năm 2020: 9.948 triệu đồng, bố trí 07 công trình.

+ Công trình Chương trình MTQG: 29.950 triệu đồng, bố trí 19 công trình. Trong đó: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 7.500 triệu đồng, bố trí 09 công trình; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 22.450 triệu đồng, bố trí 10 công trình (kèm theo danh mục chi tiết).

2. Một số giải pháp thực hiện:

a) Nâng cao trách nhiệm công tác tham mưu của các ngành và địa phương; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư, bảo đảm tính cấp bách, kịp thời và chuẩn bị các thủ tục đầu tư để thực hiện dự án năm 2020.

c) Tăng cường sự phối hợp giữa các chủ đầu tư, địa phương tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tổ chức triển khai thi công.

d) Tập trung chỉ đạo đầu tư hoàn thành một số công trình trọng điểm như: Giao thông nông thôn theo tiêu chí xã nông thôn mới, công trình giao thông trọng điểm, bảo đảm để triển khai thực hiện dự án, công trình đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị Quyết của HĐND huyện. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghị quyết này. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Giang Thành khóa XI, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- TT. HĐND-UBND tỉnh;
- VP.HĐND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban TT UBMTTQ VN huyện;
- ĐB. HĐND huyện khóa XI;
- Các cơ quan, ban ngành huyện;
- LĐVP, CVVP;
- HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT.L06

CHỦ TỊCH



Tạ Minh Danh



DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 10 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của HĐND huyện Giang Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư ban đầu			kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG						50.006	46.079	44.148	99.512	
I	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						19.470	15.543	20.828	34.214	
A	NGÀNH, LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO NGHỀ						19.470	15.543	12.828	13.348	
a	Bố trí trả nợ						4.941	4.941	4.140	150	
1	XD mới 06 phòng và sửa chữa 6 phòng trường THCS Tân Khánh Hòa (Điểm Chính)		TKH	12 phòng	2017	1981 (18/10/16)	4.941	4.941	4.140	150	
b	Các dự án khởi công năm 2019						14.529	10.602	8.688	5.801	
1	Trường Mầm non Vĩnh Phú (Điểm Đồng Cơ)		VP	2 phòng	2019	1984 (22/10/18)	1.999	1.620	1.000	1.000	
2	Trường Mầm non Vĩnh Điều (Đ. HT2)		VĐ	2 phòng	2019	1970 (22/10/18)	1.798	180	1.500	300	
3	Trường TH&THCS Vĩnh Điều (Đ. HT2)		VĐ	6 phòng	2019	1986 (22/10/18)	5.199	3.870	2.338	2.861	
4	Trường Mầm non Tân Khánh Hoà (Đ. Khánh Hòa)		TKH	2 phòng	2019	1987 (22/10/18)	2.178	1.620	1.000	1.178	
5	Trường TH Phú Lợi (Đ. Tà Teng)		PL	2 phòng	2019	1966 (22/10/18)	1.663	1.620	1.500	120	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch 2020		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
6	Trường TH&THCS Vĩnh Điều (Điểm Rộc Xây)	VĐ	2 phòng	2019	1983 (22/10/18)	1.692	1.692	1.350		342	
c	Các dự án khởi công mới năm 2020									7.397	
1	Trường TH&THCS Vĩnh Điều (Điểm Tà Êm)	VĐ	2 phòng	2020						2.000	
2	Trường tiểu học Vĩnh Phú (Điểm Chính)	VP		2020						5.397	
B	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH TUYỂN BIÊN GIỚI VN-CPC									15.066	
a	Các dự án khởi công mới năm 2020									2.066	
1	Sửa chữa 12 phòng trường THCS Phú Mỹ (Điểm Trà Phô)	PM	12 phòng	2020						500	
2	Hàng rào trường TH Phú Lợi (Đ. HN2)	PL		2020						531	
3	Hàng rào trường TH Tân Khánh Hòa (Đ. Lò Bom)	TKH		2020						500	
4	Hàng rào trường MN Vĩnh Điều (Đ. HT2)	VĐ		2020						516	
5	Hàng rào trường TH&THCS Vĩnh Phú B (Điểm T5)	VP		2020						19	
b	Các dự án khởi công mới năm 2019 (Công trình cấp bách)					19.791	19.791	7.000		13.000	
1	Mở rộng Đường HT2, huyện Giang Thành	TKH		2019-2020	1623 (17/8/18)	7.985	7.985	2.000		6.000	
2	Đường số 03, huyện Giang Thành	TKH		2019-2020	1624 (17/8/18)	11.806	11.806	5.000		7.000	

TT	Danh mục dự án						Quyết định đầu tư ban đầu				Ghi chú
	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	TMBT		kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch 2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
D	NGÀNH, LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC								4.000	2.800	
	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2019 (Công trình cấp bách)								6.793	4.000	2.800
1	Dang uy - Khoi van xa Phu My	PM		2019-2020	1834 (12/9/18)	3.195	3.195	1.000	2.200		
2	Dang uy - Khoi van xa Tan Khanh Hoa	TKH		2019-2020	1831 (12/9/18)	3.598	3.598	3.000	600		
E	NGÀNH CÔNG CỘNG, LĨNH VỰC XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG								4.000	3.000	
	Các dự án khởi công năm 2019 (Công trình cấp bách)								6.994	4.000	3.000
I	Đê bao và công đập giữ nước thuộc khu bảo tồn sinh cảnh xã Phú Mỹ huyện Giang Thành	PM		2019-2020	1982 (22/10/18)	6.994	6.994	4.000	3.000		
II	XỔ SỔ KIẾN THIẾT								25.104	19.800	6.900
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020								2.000	2.000	
1	Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Phú	VP	414,86m ²	2020		2.000	2.000		2.000		
b	Công trình xã nông thôn mới								23.104	19.800	2.900
1	Xử lý môi trường bãi rác xã Phú Mỹ	PM		2019-2020	2114f (31/10/18)	1.999	1.999	1.800	200		
2	03 cầu đường HT6 bờ Nam								2.943	2.700	300

TT	Danh mục dự án						Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	8	9	10				11
1		3	4	5	6	7		8	9	10	11			
3	Tuyến DC Hà Giang	PM	2019- 2020	2114b (31/10/18)	2.509	2.509	2.509	2.300	300					
4	Đường đê bao quốc phòng	TKH	2019- 2020	2113a (31/10/18)	6.124	6.124	6.124	5.400	900					
5	02 cầu đường đê bao quốc phòng	TKH	2019- 2020	2113b (31/10/18)	5.099	5.099	5.099	3.800	800					
6	Đường kênh Đông Hòa	PM	2019- 2020	2114a (31/10/18)	1.867	1.867	1.867	1.800	200					
7	Đường kênh Nông Trường bờ tây - Thuận An	PM	2019- 2020	1990 (23/10/19)	2.563	2.563	2.563	2.000	200					
c	Công trình trọng điểm								2.000					
	Các dự án chuẩn bị đầu tư								2.000					
1	Năng cấp mở rộng đường HT2 (HNO-Nông Trường)	TKH							1.000					
2	Bờ Kê chống sắt lở (Đoàn TT hành chính – DC Đầm Chít)	TKH							1.000					
III NGHỊ ĐỊNH 35/2015/NĐ-CP														
1	Đường kênh Thới Trang bờ đông (từ HT1-K3)	VP	3km	2020								3.600		
2	Đường K2 (từ T4-T5)	VP	5km	2020								6.500		
3	Đường T4 bờ tây (đoạn từ K3-T2)	VP	3km	2020								3.600		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư ban đầu			kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Đường NT3 bờ tây (từ kênh Giữa - Kiên Lương)	VĐ	3km	2020					3.800	
5	Đường kênh Nông Trường (từ QL N1 - 750)	VĐ	0,7km	2020					1.000	
IV	CẤP BÙ MIỄN THỦY LỢI PHÍ								9.948	
1	Kênh lộ Quốc Phòng	PL	2,3km	2020					450	
2	Kênh đê bao Cỏ Khô	PL	2,4km	2020					450	
3	Kênh HT6	PM	8,3km	2020					1.200	
4	Kênh NT4 (Kênh Giữa - Kênh 13)	VĐ	4,1km	2020					500	
5	Kênh Giữa Rộc Xây	VĐ	6,4km	2020					800	
6	Kênh Hà Giang	PL-TKH	12,1km	2020					6.000	
7	Duy tu sửa chữa đắp đập ngăn mặn			2020					548	
V	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA					5.432	5.432	3.520	29.950	
A	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững								7.500	
1	Đường 750 (từ Nông Trường - Giáp TKH)	VĐ	1,2km	2020					1.500	
2	Đường Tràm Ngang	PM	1,3km	2020					1.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
					TMBT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
3	SLMB và hàng rào trường THCS Tân Khánh Hòa	TKH	350m	2020						650		
4	Đường HT5 nối dài	TKH	250m	2020						450		
5	Đường và công HN3	TKH	30m	2020						400		
6	Đường HT1	VP	1km	2020						1.000		
7	Hàng rào trường TH Vĩnh Phú	VP	300m	2020						500		
8	Đường kênh HN2 bờ tây nối tiếp	PL	2020	2020						1.500		
B	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới					5.432	5.432	3.520	22.450			
a	Ngành văn hóa									900		
1	Nhà văn hóa ấp Đồng Cừ	VB	88m2	2020						450		
2	Nhà văn hóa ấp Trần Thệ	PM	88m2	2020						450		
b	Ngành giao thông					5.432	5.432	3.520	21.550			
1	Cầu HT5 đoạn HN3	TKH	20m	2020						1.500		
2	Cầu HT5 đoạn HN5	TKH	20m	2020						1.493		
3	Đường kênh Nông Trường bờ tây (nối tiếp)	PM	1,8km	2020						1.748		
4	Đường T2 (giai đoạn 1)	VP	5km	2019	1033 (25/10/18)	5.432	5.432	3.520	1.900		Trả nợ	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư ban đầu			kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Đường T3 bờ tây (nối tiếp)	VP	2km	2020					2.408	
6	Đường từ Ngã tư đến kênh HN3	PL	2,5km	2020					3.073	
7	Đường HN1 bờ tây	PL	2,7km	2020					3.000	
8	Đường kênh HT1	VĐ	2,2km	2020					2.400	
9	Đường Rạch Nha Sáp	VĐ	400m	2020					500	
10	Đường NT3 (từ HT4 - kênh Giữa)	VĐ	4km	2020					3.528	